

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 81/TTr-PC ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-DT ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sơn La.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sơn La, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III - Chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận, tham gia của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tại các cuộc thẩm tra như sau:

“2.1. Chi cho văn bản tham gia ý kiến của Chủ tịch, Phó Chủ tịch tại các phiên thẩm tra

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/văn bản (nội dung) thẩm tra có ý kiến tham gia.
- Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản (nội dung) thẩm tra có ý kiến tham gia.

2.2. Chi cho văn bản tham gia ý kiến của các Ban của Hội đồng nhân dân tại các phiên thẩm tra

- Cấp tỉnh: 800.000 đồng/văn bản (nội dung) được phân công phối hợp thẩm tra có ý kiến tham gia.
- Cấp xã: 400.000 đồng/văn bản (nội dung) được phân công phối hợp thẩm tra có ý kiến tham gia”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục III - Nghiên cứu xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân như sau:

- “- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản (nội dung) được giao chủ trì thẩm tra.
- Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản (nội dung) được giao chủ trì thẩm tra”.

3. Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 mục V đã được bổ sung tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung, mức chi giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, như sau:

“5. Chi công tác giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

5.1. Chi cho đoàn giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

- Trưởng đoàn giám sát, khảo sát: 100.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên đoàn, thành phần mời tham gia thành viên đoàn giám sát, khảo sát: 70.000 đồng/người/buổi.
- Thư ký: 60.000 đồng/người/buổi.
- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phục vụ đoàn khảo sát, giám sát: 50.000 đồng/người/buổi.

5.2. Chi xây dựng Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát, khảo sát và tham gia báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

- Xây dựng Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát, khảo sát: 500.000 đồng/cuộc.
- Nghiên cứu xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát: 1.000.000 đồng/báo cáo”.

4. Bổ sung khoản 3 Mục VII - Chi hợp Tổ đại biểu: thực hiện theo chế độ chi hội nghị hiện hành. Nếu các Tổ đại biểu tổ chức họp tổ ngoài giờ, mức chi như sau:

- “Cấp xã: 70.000 đồng/đại biểu”.

5. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề tại khoản 8 Mục VIII như sau:

“Chế độ hỗ trợ Trưởng Ban cấp xã, Phó Trưởng Ban cấp xã và Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã không phải là đại biểu chuyên trách (Hệ số so với mức lương cơ sở/tháng)”

6. Bổ sung khoản 9 Mục VIII - Chế độ hỗ trợ các chức danh của Tổ đại biểu (Hệ số so với mức lương cơ sở/tháng) như sau:

“Cấp xã:

- Tổ trưởng: 0,07.

- Tổ phó: 0,05”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức, triển khai, thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND; UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UB MTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng